

**BẢNG GIÁ THANH TOÁN
THUỐC TẠI BỆNH VIỆN**

TT	Mã thuốc	Tên thuốc, hàm lượng, nồng độ	Hoạt chất	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng) (có VAT)	Ghi chú
I. THUỐC TÂN DƯỢC								
1	20T83.7	3B-Medi 125mg, 125mg, 250mcg	Vitamin B1 + B6 + B12	Công ty CPDP Medisun, Việt Nam	Việt Nam	viên	1.050	
2	20T108	A.T Famotidine 40 inj 40mg/ 5ml	Famotidin	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên, Việt Nam	Việt Nam	Ống	76.000	
3	20T77.1	Acetazolamid	Acetazolamid	Công ty CP DP DL Pharmedic, Việt Nam	Việt Nam	viên	735	
4	19T21	ACM Control 4	Acenocoumarol	CTCPDP 3/2, Việt Nam	Việt Nam	Viên	1.350	
5	20T34	AD Tamy	Vitamin A + D	CTCPDP Me Di Sun, Việt Nam	Việt Nam	Viên	560	
6	20T146	Adrenalin	Epinephrin (adrenalin)	Vinphaco, Việt nam	Việt nam	ống	1.701	
7	19T97	Aerrane 100%	Isofluran	Baxter Healthcare Corporation , Mỹ	Mỹ	Chai	320.000	
8	20T14.	Aescin	Aescin	Công ty cổ phần dược Minh Hải, Việt Nam	Việt Nam	viên	2.850	
9	19T191	Agifuros	Furosemid	CN CTCP DP Agimexpharm- NMSX DP Agimexpharm - Việt Nam, Việt Nam	Việt Nam	Viên	105	
10	20T129	Albis 75mg + 100mg + 300mg	Ranitidin + bismuth + sucralfat	Daewoong, Hàn Quốc	Hàn Quốc	Viên	8.500	
11	20T102	Ambroxol-H	Ambroxol	Công ty cổ phần dược phẩm trung ương 2, Việt Nam	Việt Nam	Chai	30.000	
12	19T222	Amlodipine 5mg	Amlodipin	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam, Việt Nam	Việt Nam	Viên	509	
13	20T95	Andonbio	Lactobacillus acidophilus	Công ty Liên doanh dược phẩm Mebiphar - Austrapharm, Việt Nam	Việt Nam	Gói	1.295	
14	20T104.	Apotel	Paracetamol (acetaminophen)	Uni-Pharma Kleon Tsetis Pharmaceutical Laboratories S.A, Greece	Greece	ống	42.000	
15	20T89.	Arthledin	Nabumeton	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây, Việt Nam	Việt Nam	Viên	4.893	
16	20T116.	Aspirin	Acetylsalicylic acid	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên, Việt Nam	Việt Nam	Viên	450	
17	20T185	Atropine-BFS	Atropin (sulfat)	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội, Việt Nam	Việt Nam	ống	475	

TT	Mã thuốc	Tên thuốc, hàm lượng, nồng độ	Hoạt chất	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng) (có VAT)	Ghi chú
18	MOI1107	Azipowder	Azithromycin	Renata Ltd - Bangladesh, Bangladesh	Bangladesh	Chai	70.900	
19	20T163	Baburex	Bambuterol	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang, Việt Nam	Việt Nam	viên	2.940	
20	19T232	BACQUIRE	Imipenem + cilastatin*	Sun Pharmaceutical Industries Ltd-India, India	India	Lọ	78.900	
21	19T64	Bactirid 100mg/5ml dry suspension	Cefixim	Medicraft Pharma, Pakistan	Pakistan	Lọ	59.000	
22	20T189	BENATE FORT OINTMENT 0,05%/10g.	Clobetasol propionat	Công ty CP Tập Đoàn Merap, Việt Nam	Việt Nam	Tuýp	23.000	
23	20C.2.	Bibiso	Actiso, rau đắng đất, bìm bìm	Công ty cổ phần dược phẩm Medisun, Việt Nam	Việt Nam	viên	525	
24	20T61.	Bidilucil 250	Meclophenoxat	Bidiphar 1, Việt Nam	Việt Nam	lọ	45.000	
25	19T227	Bio-dacef 250mg	Cefuroxim	Pharmaceutical Works Polpharma S.A- Ba lan, Ba lan	Ba lan	Viên	5.943	
26	20C.13	Biofil 4g/10ml	Men bia ép tinh chế	Thephaco, Việt Nam	Việt Nam	Ống	2.500	
27	20T49.	Bosviral	Aciclovir	Farmalabor Produtos Farmacêuticos, S.A., Bồ Đào Nha	Bồ Đào Nha	Viên	12.400	
28	20T182	BPS-Amiron	Amiodaron (hydroclorid)	Công ty Cp dược phẩm CPC1 Hà Nội, Việt Nam	Việt Nam	Lọ	24.000	
29	20T6	Budecort 0,5mg Respules	Budesonid	Cipla Ltd, India	India	Ống (Nâng)	9.900	
30	19T188	Bunchen 100mg	Diclofenac	Lekhim-Kharkov JSC, Ukraine	Ukraine	Viên	11.000	
31	20T119.	Bunchen.	Diclofenac	Lekhim-Kharkov JSC, Ukraine	Ukraine	Viên	11.000	
32	MOI1132	Bupivacaine Aguettant 100mg/20ml	Bupivacain hydroclorid	Delpharm Tours (xuất xưởng lô: Laboratoire Aguettant) - Pháp, Pháp	Pháp	Lọ	42.000	
33	19T211	Bupivacaine WPW Spinal Heavy 0,5%/4ml	Bupivacain (hydroclorid)	Warsaw Pharmaceutical Works Polfa S.A. - Ba Lan, Ba Lan	Ba Lan	Ống	36.540	
34	20T151.	Calci clorid	Calci clorid	Vinphaco, Việt nam	Việt nam	ống	945	
35	20T151	Calci clorid 500mg/5ml	Calci clorid	Vinphaco, Việt Nam	Việt Nam	ống	945	
36	20T8	Calcitra	Calci carbonat + vitamin D3	Công ty cổ phần dược phẩm TV Pharm, Việt Nam	Việt Nam	Viên	1.100	
37	20C.11	Cảm cúm bốn mùa	Xuyên khung, Khương hoạt, bạch chỉ, Hoàng cầm, Phòng phong, Sinh địa, Thương truật, Cam thảo, Tế tân	Thephaco, Việt Nam	Việt Nam	Viên	1.400	

TT	Mã thuốc	Tên thuốc, hàm lượng, nồng độ	Hoạt chất	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng) (có VAT)	Ghi chú
38	20T76	Cefastad 500	Cefalexin	Công ty cổ phần Pymepharco, Việt Nam	Việt Nam	Viên	1.710	
39	19T217	Cefurofast 1,5g	Cefuroxim	Công ty CPDP Tenamyd, Việt Nam	Việt Nam	Lọ	27.400	
40	19T235	Cerebrolysin	Peptid (Cerebrolysin concentrate)	Cơ sở trộn và đóng gói: Ever Pharma Jena GmbH, Đức; Cơ sở xuất xưởng: Ever Neuro Pharma GmbH, Áo, Austria	Austria	ỐNG	92.505	
41	20T85.	Cetimed	Cetirizin	Medochemie Ltd. - Central Factory, Cyprus	Cyprus	Viên	4.000	
42	19T237	Citopcin Injection 400mg/200ml.	Ciprofloxacin	CJ HealthCare Corporation, Korea	Korea	TÚI	63.000	
43	19T200	Clarithromycin Stada	Clarithromycin	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam, Việt Nam	Việt Nam	Viên	2.950	
44	19T158	Cloramphenicol 0,4%	Cloramphenicol	Công ty CP Dược phẩm Hà Nội, Việt Nam	Việt Nam	Lọ	1.040	
45	20T190	Colchicin	Colchicin	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên, Việt Nam	Việt Nam	Viên	750	
46	20T115	Colchicin	Colchicin	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên, Việt Nam	Việt Nam	Viên	750	
47	20T52.	COLESTRIM SUPRA	Fenofibrat	Ethypharm, France	France	Viên	9.500	
48	19T238	Cordaflex 20mg	Nifedipin	Egis Pharmaceuticals Private limited company, Hungary	Hungary	Viên	900	
49	20T103	Cosyndo B	Vitamin B1 + B6 + B12	Armephaco, Việt Nam	Việt Nam	Viên	1.150	
50	19T28	Cotrimstada 400mg + 80mg	Sulfamethoxazol + trimethoprim	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada, Việt Nam	Việt Nam	Viên	440	
51	19T146	Coveram 5-5 Tab 5mg/5mg 30's	Perindopril + amlodipin	Servier (Ireland) Industries Ltd., Ailen	Ailen	Viên	6.589	
52	19T147	Coversyl Tab 5mg 30's	Perindopril	Les Laboratoires Servier Industrie, Pháp	Pháp	Viên	5.650	
53	19T156	Cồn 70°	Cồn 70°	Công ty CP hóa dược Việt Nam, Việt Nam	Việt Nam	Chai	17.000	
54	20C.10	Cồn xoa bóp Bảo Long	Mã tiền, Huyết giác, Ô đầu, Đại hồi, Long não, Một dược, Địa liền, Nhũ hương, Đinh hương, Quế, Gừng, Methyl salicylat, Glycerin, Ethanol	Công ty TNHH Đông Nam Dược Bảo Long, Việt Nam	Việt Nam	Chai	25.000	

TT	Mã thuốc	Tên thuốc, hàm lượng, nồng độ	Hoạt chất	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng) (có VAT)	Ghi chú
55	19T205	Curam 500mg + 125mg	Amoxicilin + acid clavulanic	Lek Pharmaceuticals d.d. - Slovenia,Slovenia	Slovenia	Viên	5.050	
56	19T221	Chemacin 500mg/2ml	Amikacin*	Laboratorio Farmaceutico C.T.s.r.l. - Italy,Italy	Italy	Ống	26.800	
57	20T80.1	Chiamin -S Injection	Acid amin*	Siu guan chemical,Đài Loan	Đài Loan	chai	52.500	
58	MOI248	Dexamethason 4mg/1ml	Dexamethason acetat	Vinphaco,Việt Nam	Việt Nam	Ống	924	
59	20T124	DH-Metglu XR 1000	Metformin	Công ty TNHH liên doanh Hasan-Dermapharm,Việt Nam	Việt Nam	viên	1.995	
60	19T248	Diamicon MR tab 60mg 30's..	Gliclazid	Les Laboratoires Servier Industrie,Pháp	Pháp	Viên	5.285	
61	20T191	Dibetalic	Salicylic acid + betamethason dipropionat	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên,Việt Nam	Việt Nam	Tuýp	16.400	
62	20T177	Diệp hạ châu - Medi	Diệp hạ châu	Công ty CPDP Medisun,Việt Nam	Việt Nam	Viên	1.197	
63	20T183	Digoxin-BPS	Digoxin	Công ty Cp dược phẩm CPC1 Hà Nội,Việt Nam	Việt Nam	Lọ	16.000	
64	20T145.	Dimedrol	Diphenhydramin	Vinphaco,Việt nam	Việt nam	ống	546	
65	20T140.	Diprosan Injection	Betamethason	Schering - Plough Labo N.V.,Bi	Bi	ỐNG	63.738	
66	20T96	Disthyrox	Levothyroxin (muối natri)	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây,Việt Nam	Việt Nam	Viên	294	
67	20TL05	Dobutamin Panpharma	Dobutamin	Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk,Đức	Đức	Lọ	79.800	
68	19T105	Dobutamine Panpharma 250mg/20ml.	Dobutamin	Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk,Đức	Đức	Lọ	56.000	
69	19T206	Dogastrol 40mg	Pantoprazol	Công ty cổ phần sản xuất - thương mại dược phẩm Đông Nam - Việt Nam,Việt Nam	Việt Nam	Viên	2.500	
70	19T208	Domever 25mg	Spironolacton	DOMESCO - Việt Nam,Việt Nam	Việt Nam	Viên	410	
71	20T44	Dopolys - S	Cao ginkgo biloba + heptaminol clohydrat + troxerutin	Công ty cổ phần xuất nhập khẩu y tế Domesco - Việt Nam,Việt Nam	Việt Nam	Viên	3.150	
72	20T100.3	Drotusc Forte	Drotaverin clohydrat	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun,Việt Nam	Việt Nam	Viên	1.050	
73	19T93	Duratocin 100mcg/ 1ml	Carbetocin	Ferring GmbH,Đức	Đức	Ống	398.036	
74	20C.15.	Đan sâm - Tam thất	Đan sâm, Tam thất	Vạn Xuân,Việt Nam	Việt Nam	Viên	693	

TT	Mã thuốc	Tên thuốc, hàm lượng, nồng độ	Hoạt chất	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng) (có VAT)	Ghi chú
75	19T65	Ebitac 25	Enalapril +Hydrochlorothiazid	Farmak JSC,Ukraine	Ukraine	Viên	3.500	
76	20T133.1	Efferalgan (Cơ sở xuất xưởng: (Upsa SAS, đ/c: 979, Avenue des Pyrénées, 47520 Le Passage, France	Paracetamol (acetaminophen)	UPSA SAS,Pháp	Pháp	viên	1.890	
77	19T223	Erolin 10mg	Loratadin	Egis - Hungary,Hungary	Hungary	Viên	2.700	
78	20T94.	Faskit	Kẽm gluconat	Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây,Việt Nam	Việt Nam	Gói	1.950	
79	20T75	Fegra 180 180mg	Fexofenadin	Công ty cổ phần Pymepharco,Việt Nam	Việt Nam	Viên	4.700	
80	20T2	Fleet Enema	Monobasic natri phosphat + dibasic natri phosphat	C.B Fleet Company Inc,USA	USA	Chai	57.500	
81	20T41	Flixonase Nasal Spray 0.05% 60Dose	Fluticason propionat	Glaxo Wellcome SA , Tây Ban Nha	Tây Ban Nha	Chai	147.926	
82	20T168	Fosfomed 500	Fosfomycin (natri)	Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy,Việt Nam	Việt Nam	Lọ	31.300	
83	MOI1118	Furosemid 20mg/2ml	Furosemid	Công ty CPDP Minh Dân - Việt Nam,Việt Nam	Việt Nam	Ống	1.218	
84	19T201	Furosemide 20mg/2ml	Furosemid	Vidipha, Việt Nam,Việt Nam	Việt Nam	Ống	998	
85	20T111	Fynkhepar Tablets	Silymarin	M/s FYNK Pharmaceuticals,Pakistan	Pakistan	Viên	3.800	
86	20T123	Galcholic 200	Ursodeoxycholic acid	Công ty TNHH liên doanh Hasan-Dermapharm,Việt Nam	Việt Nam	viên	4.137	
87	20T144	Gelactive Fort	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	Công ty TNHH Liên Doanh Hasan - Dermapharm,Việt Nam	Việt Nam	Gói	2.900	
88	20T136	Gemapaxane	Enoxaparin (natri)	Italfarmaco, S.p.A.,Ý	Ý	Bơm tiêm	70.000	
89	20T156.	Gentamicin 0,3%	Gentamicin	Công ty CP dược phẩm Quảng Bình,Việt Nam	Việt Nam	Tuýp	3.000	
90	20T31.2	Glaritus	Insulin tác dụng chậm, kéo dài (Slow-acting, Long-acting)	Wockhardt Limited,Ấn Độ	Ấn Độ	Ống	210.000	
91	20TL04	GLUCOSE 10% 250ML	Glucose	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam,Việt Nam	Việt Nam	Chai	9.765	

TT	Mã thuốc	Tên thuốc, hàm lượng, nồng độ	Hoạt chất	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng) (có VAT)	Ghi chú
92	20T55	GLUCOSE 20% 500ML	Glucose	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam, Việt Nam	Việt Nam	Chai nhựa PPKB	13.650	
93	19T193	GLUCOSE 5%/500ml	Glucose	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam-Việt Nam, Việt Nam	Việt Nam	Chai	8.400	
94	19T225	Golddicron 30mg	Gliclazid	Valpharma International S.p.a, Italy, Ý	Ý	Viên	2.550	
95	20T174	Halixol	Ambroxol	Egis, Hungary	Hungary	Viên	680	
96	MOI1113	Hapacol 250	Paracetamol	Dược Hậu Giang - Việt Nam, Việt Nam	Việt Nam	Gói	1.733	
97	19T192	Hapacol 250mg	Paracetamol (acetaminophen)	Công ty TNHH MTV Dược phẩm DHG-Việt Nam, Việt Nam	Việt Nam	Gói	1.365	
98	20T126.	Hasanbest 500/5	Metformin + glibenclamid	Công ty TNHH liên doanh Hasan-Dermapharm, Việt Nam	Việt Nam	viên	2.499	
99	XHH3	Heparin 25000IU/5ml	Heparin (natri)	Rotexmedica GmbH Arzneimittelwerk, Đức	Đức	lọ	110.000	
100	19T53	Heraprostol	Misoprostol	Công ty TNHH Sinh dược phẩm Hera, Việt Nam	Việt Nam	Viên	4.000	
101	19T198	Hotemin 20mg	Piroxicam	Egis - Hungary, Hungary	Hungary	Viên	5.775	
102	MOI1125.2	Human Albumin Baxter Inj 200g/l 50ml l's	Human albumin	Baxter AG-Áo, Áo	Áo	Chai	591.500	
103	20C.12	Hyđan	Mã tiền chế, Hy thiêm, Ngũ gia bì	Thephaco, Việt Nam	Việt Nam	Viên	130	
104	19T174	Incepavit 400 Capsule	Vitamin E	Incepta Pharmaceuticals Ltd, Bangladesh	Bangladesh	Viên	1.800	
105	20T193	Kali clorid 10%	Kali clorid	Vinphaco, Việt nam	Việt nam	ống	1.470	
106	20T152.	Kali clorid 10%	Kali clorid	Vinphaco, Việt nam	Việt nam	ống	1.470	
107	20T157	Kem Zonaarme	Aciclovir	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco, Việt nam	Việt nam	Tuýp	4.080	
108	19T177	Kemivir 200mg	Aciclovir	Medochemie Ltd, Cyprus	Cyprus	Viên	4.400	
109	20T86.2	Kemivir 200mg	Aciclovir	Medochemie Ltd - Central Factory, Cyprus	Cyprus	Viên	4.400	
110	20T86	Kemivir 200mg..	Aciclovir	Medochemie Ltd - Central Factory, Cyprus	Cyprus	Viên	4.400	
111	20T105.	Kevindol	Ketorolac	Esseti Farmaceutici S.L.R, Italy	Italy	ống	35.000	
112	20T178	Kim tiền thảo râu ngô.	Kim tiền thảo, Râu ngô	Công ty CPDP Medisun, Việt Nam	Việt Nam	Viên	378	
113	20T9	Kitaro	Spiramycin + metronidazol	SaviPharm, Việt Nam	Việt Nam	Viên	3.180	

TT	Mã thuốc	Tên thuốc, hàm lượng, nồng độ	Hoạt chất	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng) (có VAT)	Ghi chú
114	19T107	Laknitol 5000mg/10ml	L-Ornithin - L-aspartat	Công ty CP Dược VTYT Hải Dương, Việt Nam	Việt Nam	Ống	26.000	
115	19T212	Lidocain	Lidocain (hydroclorid)	Egis Pharmaceuticals Public Ltd., Co. - Hungary, Hungary	Hungary	Ống	14.700	
116	20T127	Lidocain 3,8g	Mỗi lọ 38g chứa: Lidocain 3,8g	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company, Hungary	Hungary	Lọ	159.000	
117	19T239	Lidocain 38g/10%	Lidocain (hydroclorid)	Egis Pharmaceuticals Private limited company, Hungary	Hungary	Lọ	159.000	
118	19T196	Lidocain 40mg/2ml	Lidocain (hydroclorid)	Thephaco-Việt Nam, Việt Nam	Việt Nam	Ống	389	
119	20T42	Lipovenoes 10% PLR 250ml 10's	Nhũ dịch lipid	Fresenius Kabi Austria GmbH, Áo	Áo	Chai	90.500	
120	20T98	Lodirein	Carbocistein	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun, Việt Nam	Việt Nam	Viên	1.239	
121	20T179	Lopassi	Lá sen, Lá vông, Lạc tiên, Tâm sen, Bình vôi	Trường Thọ, Việt Nam	Việt Nam	Viên	1.150	
122	19T38	Lorista H 50mg + 12,5mg	Losartan + hydrochlorothiazid	KRKA, d.d., Novo mesto, Slovenia	Slovenia	Viên	5.985	
123	20C.6.	Lục vị - f	Thục địa, Hoài sơn, Sơn thù, Mẫu đơn bì, Phục linh, Trạch tả	Công ty TNHH DP Fitopharma, Việt Nam	Việt Nam	viên	630	
124	20T22.1	Magnesi-BFS 15%	Magnesi sulfat	Công ty Cổ Phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội, Việt Nam	Việt Nam	Ống	3.700	
125	20T30.4	Mahimox	Carbocistein	Công ty cổ phần dược TW Mediplantex, Việt Nam	Việt Nam	gói	3.145	
126	20T172.	Mangistad	Vitamin B6 + magnesi (lactat)	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - chi nhánh 1 / Việt Nam, Việt Nam	Việt Nam	Viên	700	
127	19T216.5	Medaxetin 500mg	Cefuroxim	Medochemie Ltd-Factory C - Cyprus, Cyprus	Cyprus	Viên	8.950	
128	20T74.	Medphatobra 80	Tobramycin	Medphano Arzneimittel GmbH, Đức	Đức	ống	49.500	
129	20T165	Medskin fusi	Fusidic acid	CTCP Dược Hậu Giang, Việt Nam	Việt Nam	Tuýp	17.325	
130	19T46	Mepoly	Neomycin + polymyxin B + dexamethason	Công ty CPTĐ Merap, Việt Nam	Việt Nam	Lọ	37.000	
131	19T91	Methycobal Injection 500µg	Mecobalamin	Nipro Pharma Corporation Ise Plant, Nhật Bản	Nhật Bản	Ống	33.075	
132	MOI201	Methyldopa 250 FC Tablets 250mg	Methyldopa	Remedica, Síp	Síp	Viên	1.869	

TT	Mã thuốc	Tên thuốc, hàm lượng, nồng độ	Hoạt chất	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng) (có VAT)	Ghi chú
133	19T125	Methylergometrine melete injetion 0,2mg	Methyl ergometrin (maleat)	Rotex,Đức	Đức	ống	14.417	
134	20T93.	Mezapulgit.	Attapulgit mormoiron hoạt hóa + hỗn hợp magnesi carbonat-nhôm hydroxyd	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây,Việt Nam	Việt Nam	Gói	1.050	
135	20T97	Mezaterol 20	Bambuterol	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây,Việt Nam	Việt Nam	Viên	1.995	
136	20T122	Mibeproxil 300 mg	Tenofovir (TDF)	Công ty TNHH liên doanh Hasan-Dermapharm,Việt Nam	Việt Nam	viên	1.806	
137	20T125	Mibezisol 2,5	Natri clorid + kali clorid + natri citrat + glucose khan + kẽm	Công ty TNHH liên doanh Hasan-Dermapharm,Việt Nam	Việt Nam	gói	2.100	
138	20T176	Mikrobiel	Moxifloxacin*	Cooper S.A Pharmaceuticals,Greece	Greece	Chai	304.000	
139	19T69	Miprotone-F 200mg	Progesteron	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú,Việt Nam	Việt Nam	Viên	7.300	
140	20T142	Mixtard 30 FlexPen	Insulin trộn, hỗn hợp (Mixtard-acting, Dual-acting)	Novo Nordisk Production S.A.S,Pháp	Pháp	Bút tiêm	121.500	
141	19T40	Mizatin Capsule 150mg	Nizatidin	Dongkoo Bio & Pharma Co., Ltd ,Korea	Korea	Viên	4.500	
142	20T172	Morihepamin	Acid amin*	Ay Pharmaceuticals Co., Ltd,Nhật	Nhật	Túi	116.632	
143	20T7	Moxideka	Moxifloxacin	Công ty cổ phần Dược Khoa,Việt Nam	Việt Nam	Lọ	13.650	
144	20T90	Mycotrova 1000	Methocarbamol	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun,Việt Nam	Việt Nam	Viên	1.785	
145	19T204	Mypara	Paracetamol (acetaminophen)	Công ty Cổ phần SPM-Việt Nam,Việt Nam	Việt Nam	Viên	800	
146	19T153	Natri clorid 0,9%	Natri clorid	Công ty TNHH B.Braun Việt Nam,Việt Nam	Việt Nam	Chai	14.900	
147	20T161	Natri clorid 0,9%	Natri clorid	Công ty CP Dược VTYT Hải Dương,Việt nam	Việt nam	Lọ	1.180	
148	20T57	NATRI CLORID 0,9% 500ML	Natri clorid	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam,Việt Nam	Việt Nam	Chai nhựa PPKB	8.925	
149	20T118.	Nefolin	Nefopam (hydroclorid)	Medochemie LTD. (Central factory),Cyprus	Cyprus	viên	5.250	
150	19T173	Neometin 500mg+ 108,3mg+ 22,73mg	Metronidazol + neomycin + nystatin	Genome Pharmaceutical (Pvt) Ltd,Pakistan	Pakistan	viên	9.000	

TT	Mã thuốc	Tên thuốc, hàm lượng, nồng độ	Hoạt chất	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng) (có VAT)	Ghi chú
151	19T102	Neo-Tergynan	Metronidazol + neomycin + nystatin	Laboratoires Sophartex, Pháp	Pháp	Viên	11.800	
152	19T139	Nephrosteril Inf 250ml 1's	Acid amin*	Fresenius Kabi Austria GmbH, Áo	Áo	Chai	110.000	
153	20T121.	Nerusyn 1,5g	Ampicilin + sulbactam	Chi nhánh 3 - Công ty CPDP Imexpharm tại Bình Dương, Việt Nam	Việt Nam	Lọ	43.800	
154	20T82	Newstomaz	Alverin (citrat) + simethicon	Công ty CPDP Medisun, Việt Nam	Việt Nam	viên	1.050	
155	19T101	Nilcox Baby Fort 250/2mg	Paracetamol + chlorpheniramin	Công ty CP DP Phương Đông, Việt Nam	Việt Nam	Gói	1.260	
156	20T128	Nitromint	Glyceryl trinitrat (Nitroglycerin)	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company, Hungary	Hungary	Lọ	150.000	
157	TD151.3	Nitromint aerosol 10g	Glyceryl trinitrat (Nitroglycerin)	Egis, Hungary	Hungary	Ống	79.800	
158	20TL16	Noradrenalin	Nor-epinephrin (Nor- adrenalin)	Vinphaco, Việt Nam	Việt Nam	ống	63.000	
159	19T71	NƯỚC CẮT PHA TIÊM 500ML	Nước cất pha tiêm	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam, Việt Nam	Việt Nam	Chai nhựa PPKB	8.925	
160	19T202	Nước cất tiêm 10ml	Nước cất pha tiêm	Vinphaco - Việt nam, Việt Nam	Việt Nam	Ống	870	
161	19T194	Nước cất tiêm 5ml	Nước cất pha tiêm	Thephaco-Việt Nam, Việt Nam	Việt Nam	Ống	483	
162	20T162	Oresol hương cam	Natri clorid+kali clorid+ natri citrat + glucose khan	Công ty CP Hóa dược Việt Nam, Việt Nam	Việt Nam	Gói	1.650	
163	20T15.	Oxacilin 250mg	Oxacilin	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân, Việt Nam	Việt Nam	Viên	2.100	
164	19T209	Oxytocin 5IU	Oxytocin	Gedeon Richter Plc.- Hungary, Hungary	Hungary	Ống	3.234	
165	20T53.	PANFOR SR-500	Metformin	Inventia Healthcare Pvt. Ltd, India	India	Viên	1.200	
166	19T228	Pantostad 40mg	Pantoprazol	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - chi nhánh 1 / Việt Nam, Việt Nam	Việt Nam	Viên	1.500	
167	20T11	Paracetamol Kabi AD	Paracetamol (acetaminophen)	Fresenius Kabi, Đức	Đức	Chai	41.890	
168	19T229	Partamol 500mg	Paracetamol (acetaminophen)	Chi nhánh Công ty TNHH LD Stada-Việt Nam, Việt Nam	Việt Nam	Viên	450	
169	20T91	Pecrandil 10	Nicorandil	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây, Việt Nam	Việt Nam	Viên	3.990	
170	19T190	Pelearto 20mg	Atorvastatin	Công ty CPDP SaVi - Việt Nam, Việt Nam	Việt Nam	Viên	710	
171	19T215	PMS-Pantoprazole 40mg	Pantoprazol	Sofarimex Industria Quimica E - Portugal, Portugal	Portugal	Lọ	68.700	

TT	Mã thuốc	Tên thuốc, hàm lượng, nồng độ	Hoạt chất	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng) (có VAT)	Ghi chú
172	19T44	Poema	Dexamethason phosphat + neomycin	Công ty CPTĐ Merap, Việt Nam	Việt Nam	Lọ	15.000	
173	20T72.	POEMA	Dexamethason phosphat + neomycin	Công ty CP Tập Đoàn Merap, Việt Nam	Việt Nam	Lọ	15.000	
174	20T186	Pofol Injection	Propofol	Dongkook Pharmaceutical Co., Ltd, Korea	Korea	ống	28.300	
175	20T195	Pofol Injection	Propofol	Dongkook Pharmaceutical Co., Ltd, Korea	Korea	ống	28.300	
176	20T33.	Pofol Injection	Propofol	Dongkook Pharmaceutical Co., Ltd, Korea	Korea	Ống	28.300	
177	20T99.2	Pomatat	Magnesi aspartat + kali aspartat	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây, Việt Nam	Việt Nam	viên	1.050	
178	19T5	Postcare 100	Progesteron	Mediplantex, Việt Nam	Việt Nam	Viên	5.600	
179	19T159	Povidon iod 10%	Povidon iodin	Công ty CP Dược phẩm Quảng Bình, Việt Nam	Việt Nam	Chai	39.300	
180	19T189	Preforin 40mg	Methyl prednisolon	Myungmoon Pharm. Co., Ltd - Korea, Korea	Korea	Lọ	23.500	
181	20T155	Pro Salbutamol Inhaler	Salbutamol (sulfat)	Laboratorio Aldo-Union S.L, Tây Ban Nha	Tây Ban Nha	binh	54.900	
182	20T166.	Progesterone injection BP 25mg	Progesteron	Rotexmedica GmbH Arzneimitilwerk, Đức	Đức	ống	17.850	
183	20C.3	Prospan Cough Liquid 5ml	Lá thường xuân	Engelhard, Đức	Đức	gói	6.300	
184	20T180	PymeNospain	Drotaverin clohydrat	Công ty cổ phần Pymepharco, Việt Nam	Việt Nam	ống	2.670	
185	20C.8	Phalintop	Cam thảo, Đàng sâm, Dịch chiết men bia.	Công ty CP Dược Hà Tĩnh, Việt Nam	Việt Nam	Ống	3.350	
186	20T60.	Ramizes 5	Ramipril	Farmak JSC, Ukraine	Ukraine	Viên	3.920	
187	19T78	RINGER LACTATE 500ml	Ringer lactat	Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam, Việt Nam	Việt Nam	Chai nhựa PPKB	9.030	
188	19T144	Rocuronium Kabi 10mg/ml Inj 10x5ml	Rocuronium bromid	Fresenius Kabi Austria GmbH, Áo	Áo	Lọ	58.000	
189	19T22	Sadapron 100	Allopurinol	Remedica Ltd., Cyprus	Cyprus	Viên	1.750	
190	20T188	Sadapron 100	Allopurinol	Remedica Ltd., Cyprus	Cyprus	Viên	1.750	
191	19T175	Saferon 100mg + 500mcg	Sắt (III) hydroxyd polymaltose + acid folic	Glenmark Pharmaceuticals Ltd, Ấn Độ	Ấn Độ	Viên	4.200	

TT	Mã thuốc	Tên thuốc, hàm lượng, nồng độ	Hoạt chất	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng) (có VAT)	Ghi chú
192	20T87.	Saferon.	Sắt (III) hydroxyd polymaltose +acid folic	Glenmark Pharmaceuticals Ltd,Ấn Độ	Ấn Độ	Viên	4.200	
193	19T231	Salbutamol Renaudin	Salbutamol (sulfat)	Laboratoire Renaudin - Pháp,Pháp	Pháp	Ống	14.000	
194	20T71.	SATHOM	Sorbitol + natri citrat	Công ty CP Tập Đoàn Merap,Việt Nam	Việt Nam	tuýp	15.500	
195	19T96	Sevoflurane 100%/250ml	Sevofluran	Baxter Healthcare Corporation ,Mỹ	Mỹ	Chai	2.100.000	
196	20C.14	Si rô ho Thepharm	Lá thường xuân	Thephaco,Việt Nam	Việt Nam	Chai	52.250	
197	20T138.3	Smecta	Diosmectit	Beaufour Ipsen Industrie,Pháp	Pháp	Gói	3.475	
198	19T106	Sodium Bicarbonate Renaudin 8,4%	Natri hydrocarbonat (natri bicarbonat)	Laboratoire Renaudin ,Pháp	Pháp	Ống	23.000	
199	20TL06	Sodium Bicarbonate Renaudin 8,4%	Natri hydrocarbonat (natri bicarbonat)	Laboratoire Renaudin,Pháp	Pháp	Ống	22.000	
200	20T139	Somatosan	Somatostatin	BAG Health Care GmbH,Đức	Đức	Ống	470.000	
201	20T48	Spamerin	Mebeverin hydroclorid	Công ty TNHH Dược phẩm Glomed,Việt Nam	Việt Nam	Viên	2.000	
202	20T171.	Stacytine 200 CAP	N-acetylcystein	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - chi nhánh 1 / Việt Nam,Việt Nam	Việt Nam	Viên	700	
203	20T19.	Stiprol	Glycerol	Công ty cổ phần dược Hà Tĩnh,Việt Nam	Việt Nam	Tuýp	6.930	
204	19T37	Surmenalit	Sulbutiamin	Faes Farma, S.A ,Tây Ban Nha	Tây Ban Nha	Viên	2.600	
205	20T130	Tiffy syrup	Paracetamol + chlorpheniramin + phenylephrin	Công ty TNHH Thai Nakorn Patana VN,Việt Nam	Việt Nam	Chai	20.700	
206	20T5.	Tinidazole Injection 100ml:400mg	Tinidazol	Shijiazhuang No.4 Pharmaceutical Co., Ltd,China	China	Túi	25.000	
207	20T18.	Tobrameson	Tobramycin + dexamethason	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội,Việt Nam	Việt Nam	ỐNG	34.900	
208	20T134.	Tobrin 0.3%	Tobramycin	Balkanpharma Razgrad AD,Bulgaria	Bulgaria	Lọ	38.717	
209	19T41	Toxaxine 500mg Inj	Tranexamic acid	Daihan Pharm. Co., Ltd , Korea	Korea	Ống	16.000	
210	20C.18	Tuần hoàn não Thái Dương	Đinh lăng, Bạch quả, Đậu tương	CN Công ty CP Sao Thái Dương tại Hà Nam,Việt Nam	Việt Nam	Viên	2.916	
211	20T4	Tydol PM	Paracetamol + diphenhydramin	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm OPV,Việt Nam	Việt Nam	Viên	850	

TT	Mã thuốc	Tên thuốc, hàm lượng, nồng độ	Hoạt chất	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng) (có VAT)	Ghi chú
212	19T113	Tydol PM	Paracetamol + Diphenhydramin	Công Ty CPDP OPV Việt Nam, Việt Nam	Việt Nam	Viên	850	
213	20T78.3	Tyrosur Gel	Tyrothricin	Engelhard, Đức	Đức	tuýp	63.000	
214	20C.19	Thanh nhiệt tiêu độc Livergood 1.000mg, 670mg, 340mg, 340mg, 125mg, 670mg	Nhân trần, Bồ công anh, Cúc hoa, Actiso, Cam thảo, Kim ngân hoa	CT CP DP Nam Hà, Việt Nam	Việt Nam	Viên	1.995	
215	20C.1.	Thuốc cam Hàng Bạc gia truyền Tùng Lộc	Cát lâm sâm, Đàng sâm, Bạch linh, Bạch truật, Cam thảo, Ý dĩ, Hoài sơn, Khiếm thực, Liên nhục, Mạch nha, Sừ quân tử, Sơn tra, Thần khúc, Cốc tinh thảo, Ô tặc cốt, Bạch biển đầu	Công ty CP Dược Quốc tế Tùng Lộc, Việt Nam	Việt Nam	Gói	5.600	
216	19T219	Trichopol 500mg/100ml	Metronidazol	Pharmaceutical Works Polpharma S.A - Ba Lan, Ba Lan	Ba Lan	Túi	27.500	
217	19T120	Trimexazol 240	Sulfamethoxazol + trimethoprim	Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây, Việt Nam	Việt Nam	Gói	1.155	
218	20T47.	Trimpol MR	Trimetazidin	Polfarmex S.A, Poland	Poland	Viên	2.600	
219	20T46	Trinitrina	Glyceryl trinitrat (Nitroglycerin)	Fisiopharma SRL, Italy	Italy	Ống	42.800	
220	20T167	Unasyn Inj 1500mg 1's	Ampicilin + sulbactam	Haupt Pharma Latina S.r.l, Ý	Ý	Lọ	66.000	
221	20T120	Venokern 500mg	Diosmin + hesperidin	Kern Pharma S.L., Tây Ban Nha	Tây Ban Nha	Viên	3.100	
222	19T33	Venrutine 100mg + 500mg	Vitamin C + rutine	Công ty cổ phần BV Pharma, Việt Nam	Việt Nam	Viên	2.500	
223	MOI054.3	Ventolin Neb Sol 2.5mg/ 2.5ml	Salbutamol (sulfat)	GlaxoSmithKline Australia Pty Ltd, Úc	Úc	Ống	4.575	
224	19T141	Ventolin Neb Sol 2.5mg/ 2.5ml 6x5's	Salbutamol (sulfat)	GlaxoSmithKline Australia Pty., Ltd., Úc	Úc	Ống	4.575	
225	19T140	Ventolin Neb Sol 5mg/ 2.5ml 6x5's	Salbutamol (sulfat)	GlaxoSmithKline Australia Pty Ltd, Úc	Úc	Ống	8.513	
226	20T147.	Vincomid	Metoclopramid	Vinphaco, Việt nam	Việt nam	ống	1.260	
227	19T84	Vinluta 300mg	Glutathion	Vinphaco, Việt Nam	Việt Nam	lọ	22.470	
228	20T194	Vinphyton 1mg	Phytomenadion (vitamin K1)	Vinphaco, Việt Nam	Việt Nam	ống	2.000	
229	20T148.3	Vinstigmin	Neostigmin metylsulfat	Vinphaco, Việt nam	Việt nam	ống	6.800	
230	19T90	Vintrysine 5000UI	Alpha chymotrypsin	Vinphaco, Việt Nam	Việt Nam	Lọ	4.410	
231	19T81	Vitamin K 5mg/1ml	Vitamin K	Vinphaco, Việt Nam	Việt Nam	ống	3.600	
232	20T173	Vitol	Natri hyaluronat	Công ty CPTĐ Merap Việt Nam, Việt Nam	Việt Nam	Lọ	53.000	

TT	Mã thuốc	Tên thuốc, hàm lượng, nồng độ	Hoạt chất	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng) (có VAT)	Ghi chú
233	20T36.	Volulyte IV 6% 1's	Tinh bột este hóa (hydroxyethyl starch)	Fresenius Kabi Deutschland GmbH,Đức	Đức	Túi	89.000	
234	20T166	Xatral XL 10mg	Alfuzosin	Sanofi Winthrop Industrie,Pháp	Pháp	Viên	15.291	
235	20C.16.	Xoang vụn xuân	Thương nhĩ tử, Hoàng kỳ, Bạch chi, Phòng phong, Tân di hoa, Bạch truật, Bạc hà	Vạn Xuân,Việt Nam	Việt Nam	Viên	830	
236	19T150	Xylocaine Jelly Oin 2% 30g 10's	Lidocain (hydroclorid)	Recipharm Karlskoga AB,Thụy Điển	Thụy Điển	Tuýp	55.600	
237	19T226	Xylometazolin 0,05%/ 10ml	Xylometazolin	Công ty CPDP Minh Dân-Việt Nam,Việt Nam	Việt Nam	Lọ	3.642	
238	MOI231	Zensalbu nebules 2,5 2,5mg/2,5mg	Salbutamol (sulfat)	CPC1 Hà Nội,Việt nam	Việt nam	ống	4.410	
239	19T14	Zensalbu nebules 5.0	Salbutamol (sulfat)	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội, Việt Nam	Việt Nam	Ống	8.400	
240	20T164	ZidocinDHG 750.000 IU + 125mg	Spiramycin + metronidazol	CTCP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang,Việt Nam	Việt Nam	viên	720	
241	19T179	Zinobaby 70mg	Kẽm gluconat	Công ty Liên doanh Meyer - BPC,Việt Nam	Việt Nam	Gói	2.100	
II. VỊ THUỐC CỔ TRUYỀN								
242	20V1	Bạch chi		Mediplantex	Việt Nam	gam	138,6	
243	20V42	Bạch linh (Phục linh, Bạch phục linh)		Mediplantex	Việt Nam	gam	336	
244	20V52	Bạch thược		Mediplantex	Việt Nam	gam	257,25	
245	19V46	Bạch thược		Mediplantex	Việt Nam	gam	319,2	
246	19V59	Bạch truật		Mediplantex	Việt Nam	gam	449,4	
247	20V66	Bạch truật		Mediplantex	Việt Nam	gam	360,15	
248	20V67	Cam thảo		Mediplantex	Việt Nam	gam	320,25	
249	20V3	Cát căn		Mediplantex	Việt Nam	gam	126	
250	20V23	Cầu đằng		Mediplantex	Việt Nam	gam	323,4	
251	19V51	Câu ký tử		Mediplantex	Việt Nam	gam	399	
252	20V57	Câu ký tử		Mediplantex	Việt Nam	gam	313,95	
253	20V60	Cầu tích		Mediplantex	Việt Nam	gam	92,4	
254	20V61	Cốt toái bồ		Mediplantex	Việt Nam	gam	147	
255	20V4	Cúc hoa		Mediplantex	Việt Nam	gam	619,95	
256	20V7	Dây đau xương		Mediplantex	Việt Nam	gam	91,35	
257	19V61	Đại táo		Mediplantex	Việt Nam	gam	199,5	
258	20V68	Đại táo		Mediplantex	Việt Nam	gam	168	
259	20V34	Đan sâm		Mediplantex	Việt Nam	gam	327,6	
260	20V69	Đảng sâm		Mediplantex	Việt Nam	gam	682,5	
261	20V35	Đào nhân		Mediplantex	Việt Nam	gam	682,5	
262	20V62	Đỗ trọng		Mediplantex	Việt Nam	gam	189	
263	20V8	Độc hoạt		Mediplantex	Việt Nam	gam	305,025	
264	20V53	Đương quy (Toàn quy)		Mediplantex	Việt Nam	gam	630	
265	19V48	Hà thủ ô đồ		Mediplantex	Việt Nam	gam	341,25	
266	20V54	Hà thủ ô đồ		Mediplantex	Việt Nam	gam	336	

TT	Mã thuốc	Tên thuốc, hàm lượng, nồng độ	Hoạt chất	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng) (có VAT)	Ghi chú
267	20V30	Hậu phác		Mediplantex	Việt Nam	gam	128,1	
268	19V63	Hoài sơn		Mediplantex	Việt Nam	gam	309,75	
269	20V70	Hoài sơn		Mediplantex	Việt Nam	gam	267,5	
270	20V18	Hoàng bá		Mediplantex	Việt Nam	gam	220,5	
271	20V19	Hoàng cầm		Mediplantex	Việt Nam	gam	399	
272	19V64	Hoàng kỳ		Mediplantex	Việt Nam	gam	559,65	
273	20V71	Hoàng kỳ (Bạch kỳ)		Mediplantex	Việt Nam	gam	336	
274	20V41	Hoè hoa		Mediplantex	Việt Nam	gam	189	
275	20V36	Hồng hoa		Mediplantex	Việt Nam	gam	974,4	
276	19V16	Huyền sâm		Mediplantex	Việt Nam	gam	269,85	
277	20V31	Hương phụ		Mediplantex	Việt Nam	gam	149,1	
278	20V63	Ích trí nhân		Mediplantex	Việt Nam	gam	598,5	
279	19V72	Kê huyết đằng		Mediplantex	Việt Nam	gam	38	
280	20V37	Kê huyết đằng		Mediplantex	Việt Nam	gam	87,15	
281	20V16	Kim ngân hoa		Mediplantex	Việt Nam	gam	699,3	
282	20V43	Kim tiền thảo		Mediplantex	Việt Nam	gam	126	
283	19V73	Khương hoàng/Uất kim		Mediplantex	Việt Nam	gam	113	
284	20V38	Khương hoàng/Uất kim		Mediplantex	Việt Nam	gam	105	
285	19V8	Khương hoạt		Mediplantex	Việt Nam	gam	1798,65	
286	20V9	Khương hoạt		Mediplantex	Việt Nam	gam	1249,5	
287	20V25	Lạc tiên		Mediplantex	Việt Nam	gam	91,35	
288	19V14	Liên kiều		Mediplantex	Việt Nam	gam	549,15	
289	20V17	Liên kiều		Mediplantex	Việt Nam	gam	460,95	
290	19V43	Liên nhục		Mediplantex	Việt Nam	gam	197,4	
291	20V49	Liên nhục		Mediplantex	Việt Nam	gam	147	
292	19V49	Long nhân		Mediplantex	Việt Nam	gam	378	
293	20V55	Long nhân		Mediplantex	Việt Nam	gam	330,075	
294	19V41	Lục thần khúc		Mediplantex	Việt Nam	gam	154,35	
295	20V47	Lục thần khúc		Mediplantex	Việt Nam	gam	189	
296	19V52	Mạch môn		Mediplantex	Việt Nam	gam	349,65	
297	20V58	Mạch môn		Mediplantex	Việt Nam	gam	273	
298	20V20	Mẫu đơn bì		Mediplantex	Việt Nam	gam	346,5	
299	20V10	Ngũ gia bì chân chim		Mediplantex	Việt Nam	gam	101,85	
300	20V50	Ngũ vị tử		Mediplantex	Việt Nam	gam	367,5	
301	19V44	Ngũ vị tử		Mediplantex	Việt Nam	gam	420	
302	20V39	Nguru tất		Mediplantex	Việt Nam	gam	161,7	
303	19V33	Nguru tất		Mediplantex	Việt Nam	gam	189	
304	20V32	Ô dược		Mediplantex	Việt Nam	gam	142,8	
305	19V9	Phòng phong		Mediplantex	Việt Nam	gam	1512	
306	20V11	Phòng phong		Mediplantex	Việt Nam	gam	714	
307	20V26	Phục thần		Mediplantex	Việt Nam	gam	399	
308	20V2	Quế chi		Mediplantex	Việt Nam	gam	84	
309	19V70	Sa nhân		Mediplantex	Việt Nam	gam	589,05	
310	19V53	Sa sâm		Mediplantex	Việt Nam	gam	498,75	
311	20V59	Sa sâm		Mediplantex	Việt Nam	gam	487,2	
312	20V5	Sài hồ		Mediplantex	Việt Nam	gam	761,25	
313	20V21	Sinh địa		Mediplantex	Việt Nam	gam	252	
314	19V20	Sinh địa		Mediplantex	Việt Nam	gam	315	
315	19V45	Sơn thù		Mediplantex	Việt Nam	gam	616,35	
316	20V51	Sơn thù		Mediplantex	Việt Nam	gam	388,5	
317	19V42	Sơn tra		Mediplantex	Việt Nam	gam	111,3	
318	20V48	Sơn tra		Mediplantex	Việt Nam	gam	100,8	
319	20V12	Tang chi		Mediplantex	Việt Nam	gam	78,5	
320	19V66	Tang ký sinh		Mediplantex	Việt Nam	gam	42,5	
321	19V24	Táo nhân		Mediplantex	Việt Nam	gam	699,3	
322	20V27	Táo nhân		Mediplantex	Việt Nam	gam	459,9	
323	19V10	Tần giao		Mediplantex	Việt Nam	gam	1218	

TT	Mã thuốc	Tên thuốc, hàm lượng, nồng độ	Hoạt chất	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng) (có VAT)	Ghi chú
324	20V13	Tần giao		Mediplantex	Việt Nam	gam	840	
325	19V58	Tục đoạn		Mediplantex	Việt Nam	gam	229,95	
326	20V65	Tục đoạn		Mediplantex	Việt Nam	gam	262,5	
327	20V45	Tỳ giải		Mediplantex	Việt Nam	gam	157,5	
328	19V25	Thảo quyết minh		Mediplantex	Việt Nam	gam	127,05	
329	20V28	Thảo quyết minh		Mediplantex	Việt Nam	gam	105	
330	20V6	Thăng ma		Mediplantex	Việt Nam	gam	359,1	
331	19V6	Thăng ma		Mediplantex	Việt Nam	gam	449,4	
332	19V23	Thiên ma		Mediplantex	Việt Nam	gam	1359,75	
333	20V24	Thiên ma		Mediplantex	Việt Nam	gam	924	
334	20V14	Thiên niên kiện		Mediplantex	Việt Nam	gam	141,75	
335	20V64	Thỏ ty tử		Mediplantex	Việt Nam	gam	399	
336	19V15	Thỏ phục linh		Mediplantex	Việt Nam	gam	178,5	
337	20V56	Thục địa		Mediplantex	Việt Nam	gam	233,1	
338	20V44	Trạch tả		Mediplantex	Việt Nam	gam	159,6	
339	20V33	Trần bì		Mediplantex	Việt Nam	gam	136,5	
340	19V12	Uy linh tiên		Mediplantex	Việt Nam	gam	588	
341	20V15	Uy linh tiên		Mediplantex	Việt Nam	gam	420	
342	19V26	Viễn chí		Mediplantex	Việt Nam	gam	1365	
343	20V29	Viễn chí		Mediplantex	Việt Nam	gam	976,5	
344	20V22	Xích thược		Mediplantex	Việt Nam	gam	365,4	
345	20V40	Xuyên khung		Mediplantex	Việt Nam	gam	315	
346	20V46	Ý dĩ		Mediplantex	Việt Nam	gam	147	
347	19V40	Ý dĩ		Mediplantex	Việt Nam	gam	199,5	
Tổng cộng: 347 khoản								

